TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024.
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản và huỷ quyết định cá biệt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Ngọc Anh

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Huy Cương

Bà Lê Thu Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Tấn Hoàng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp thừa kế tài sản và huỷ quyết định cá biệt".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, Nghệ An. Có mặt.

Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm M, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Xuân V - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Tiến L2 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D, huyện D. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1933. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1937. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn K: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Í, sinh năm 1936. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị A, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990: Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Văn P1: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Bùi Thị S, sinh năm 1956. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Phan Thị B1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị S, bà Phan Thị B1, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị X: Anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ý kiến của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Cụ Nguyễn Văn N, sinh năm 1926, chết năm 1980 và cụ Trương Thị Y (còn gọi là cụ Nguyễn Thị N1) sinh năm 1917, chết năm 2003 có 05 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949, chết năm 1996; ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1953, chết năm 2016; ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1958, chết năm 2019; ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1961, chết năm 2009; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966. Cụ N1, cụ Y cùng các con sinh sống trên thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 557 m^2 tại xóm B N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; cụ N1 và cụ Y sống chung với ông Nguyễn Văn H3.

Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 557 m^2 do ông nội ông H là cụ Nguyễn Văn V1, sinh năm 1901, chết năm 1997 và cụ Bùi Thị U, sinh năm 1903, chết năm 1951 tạo lập và sinh sống từ năm 1943. Cụ V1 và cụ U sinh được 8 người con và lần lượt lập gia đình ra ở riêng; cụ V1 và cụ U sống chung với với con trai trưởng là cụ Nguyễn Văn N và vợ là cụ Trương Thị Y. Năm 1951, cụ U chết và năm 1980, cụ N (bố ông H) chết; do phong tục địa phương nên mẹ ông H là cụ Trương Thị Y lấy tên chồng nên được gọi là cụ Nguyễn Thị N1; trong sổ sách địa chính liên quan đến đất đai cụ Y mang tên là Nguyễn Thị N1.

Ngoài ra cụ V1 và cụ U còn tạo lập được 01 thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 352,8 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An (gọi tắt UBND huyện D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt GCNQSDĐ) mang tên cụ Nguyễn Thị N1.

Năm 1996, ông H3 làm một ngôi nhà hai gian vào cuối thửa đất tách hẳn ra khỏi nhà thờ để cả gia đình ông H3 sinh sống; cụ V1 và cụ Y (mẹ ông H) tiếp tục sống tại ngôi nhà thờ. Năm 1997, cụ V1 chết không để lại di chúc; năm 2003, cụ Y mẹ ông H chết cũng không để lại di chúc. Ngôi nhà thờ trên thửa đất mà cụ V1 và bố mẹ ông H sinh sống tính từ đời bố cụ V1 đến nay đã được 07 đời dòng họ Nguyễn Văn thờ cúng trong ngôi nhà thờ này.

Năm 2009, ông H3 chết; năm 2010, toàn bộ con cháu đóng góp tiền nâng cấp nhà thờ, nhưng B vẫn không cho biết thửa đất đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông H3, bà B. Ngày 27/11/2022, bà B đào móng xây dựng nhà được anh em trong họ tộc can ngăn; ngày 02/12/2022, bà B tiếp tục thuê máy múc, tổ thợ đến đào móng xây nhà, vụ việc được UBND xã lập biên bản.

Ngày 27/12/2022, UBND xã D tổ chức hoà giải, ông H và anh em trong họ

mới biết thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3 (bản đồ 299), diện tích 557 m^2 nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, diện tích 557,3 m^2 tại xóm B N, xã D, huyện D được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ ngày 28/10/1994 mang tên ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị B. Năm 2022, bà B đã tách thành 02 thửa tặng cho anh Nguyễn Văn H2 và anh Nguyễn Văn H1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp GCNQSDĐ số DG 365923 ngày 11/5/2022 đối với thửa đất 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2 mang tên anh Nguyễn Văn H2 và cấp GCNQSDĐ số DG 365924 ngày 11/5/2022 đối với thửa đất 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2 mang tên Nguyễn Văn H1.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy một phần GCNQSDĐ số 59046 ngày 28/10/1994 được UBND huyện D cấp cấp cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 43 (bản đồ 299) nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, diện tích 557,3 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Hủy GCNQSDĐ số DG 365923 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H2 đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D.

- Hủy GCNQSDĐ số DG 365924 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H1 đối với thửa đất số 706, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D.

- Chia di sản thừa kế của cụ N1, cụ Y để lại là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 557 m^2 (Bản đồ 299) tại xóm B N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An và thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 352,8 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền đề nghị công nhận sự thoả thuận của các đương sự chia thừa kế thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 352,8 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D theo bên bản thoả thuận ngày 28/7/2024.

Tại phiên toà người diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung đề nghị hủy một phần GCNQSDĐ số 59046 ngày 28/10/1994 được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 43 (nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14), diện tích 557,3 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; hủy GCNQSDĐ số DG 365923 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H2 đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2 và hủy GCNQSDĐ số DG 365924 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H1 đối với thửa đất số 706, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2; chia di sản thừa kế của cụ N1, cụ Y để lại là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 557 m^2 tại xóm B N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị B:

Tại phiên toà ông Trương Văn Đ là người đại đại theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị B đồng ý với yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự về chia thừa kế thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D theo bên bản thoả thuận ngày 28/7/2024. Phần đất được chia của thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 đề nghị giao cho anh Nguyễn Văn H1 quản lý, sử dụng; về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ý kiến của đại diện UBND xã D, huyện D:

Qua kiểm tra đối chiếu với bản đồ 299, bản đồ 364, sổ địa chính năm 1994, sổ mục kê năm 1994 thì thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, diện tích 557,3 m^2 tại xóm N, xã D trong bản đồ địa chính số lập năm 2013 là thửa đất số 705, tờ bản đồ số 03, diện tích 592 m^2 (bản đồ 299) và bản đồ số 364 là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, diện tích 575 m^2. Kiểm tra sổ địa chính năm 1994: Tại trang 48, bà Nguyễn Thị N1 sinh năm 1962 trú tại xóm B, xã D có nội dung ghi thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 575 m^2. Kiểm tra sổ mục kê năm 1994: Tại trang số 02, tờ bản đồ số 04, có nội dung thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 575 m^2.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ: Kiểm tra GCNQSDĐ số vào số A, số phát hành 590406; cấp cho ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1926 và bà Nguyễn Thị B, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03, diện tích 575 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 375 m^2); tên chủ sử dụng đất Nguyễn Văn H3 sinh năm 1926, diện tích 3.614,8 m^2.Theo GCNQSDĐ số vào sổ 210, số phát hành 590406; cấp cho ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1926 và bà Nguyễn Thị B, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03, diện tích 575 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 375 m^2) do UBND huyện D cấp ngày 28/10/1994; tên chủ sử dụng đất Nguyễn Văn H3 sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị B, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, thời hạn sử dụng đất ở lâu dài, đất vườn đến ngày 28/10/2014. Đến ngày 03/5/2018 được Văn phòng đăng ký đất đai huyện D đính chính nội dung: tiếp tục sử dụng đất vườn đến ngày 28/10/2064.3.2. Ý kiến của đại diện UBND huyện D:- Về hồ sơ UBND huyện Diễn Châu cung cấp hồ sơ như sau:+ Hồ sơ địa chính: Bản đồ 299, 364, bản đồ số, sổ địa chính, số mục kê.

+ Hồ sơ cấp GCNQSDĐ số phát hành A 590406 do UBND huyện D cấp ngày 28/10/1994 đối với thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03, chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị B xóm 2, xã D

+ Hồ sơ đăng ký biến động đo đạc lại ngày 28/9/2020, thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04 (thửa mới số 10, tờ bản đồ số 14, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H3, bà Nguyễn Thị B. Hồ sơ đăng ký biến động tách thửa ngày 11/10/2020, thửa 10, tờ bản đồ số 04, tách thành thửa 707, tờ bản đồ số 14. Hồ sơ đăng ký biến động thừa kế tặng cho ngày 11/5/2020, thừa kế, tặng cho thửa 706, tờ bản đồ số 04 cho ông Nguyễn Văn H1 và thửa 707, tờ bản đồ số 14 cho ông Nguyễn Văn H2.

Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 03 được tách thành 02 thửa: Thửa 706, tờ bản đồ số 04 cho ông Nguyễn Văn H1; thửa 707, tờ bản đồ số 14 cho ông Nguyễn Văn H2.

UBND huyện D đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.3. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N:

Sở T cung cấp hồ sơ, tài liệu về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn với đất số DG 365923 do Văn phòng Đ cấp ngày 11/5/2022 mang tên Nguyễn Văn H2 đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn với đất số DG 365924 do Văn phòng Đ cấp ngày 11/5/2022 mang tên Nguyễn Văn H1 đối với thửa đất số 706, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2 tại xóm N (xóm B cũ), xã D, huyện D.

Trong thời gian kể từ khi tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả cho ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn H2, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh N và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N không nhận được bất kỳ văn bản nào của cá nhân và cơ quan có thẩm quyền về việc yêu cầu tạm dừng hoặc dừng đăng ký, chuyển nhượng, thừa kế quyền sử dụng hoặc văn bản thông báo về việc tài sản bị kê biên tài sản thi hành án đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, diện tích 557,3 m^2 (đã được tách thành 02 thửa: Thửa đất số 706, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2 và thửa đất số 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2). Do đó không có cơ sở để từ chối tiếp nhận hồ sơ để nghị đăng ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn với đất của ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn H1.Ông Nguyễn Văn H đề nghị huỷ GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn với đất số DG 365923 cấp ngày 11/5/2022 cho ông H2 và GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn với đất số DG 365924 cấp ngày 11/5/2022 cho ông H1 đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.3.4. Ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Í, bà Bùi Thị S, bà Phạm Thị A, bà Phan Thị B1, anh Nguyễn Văn P1, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Trọng Đ1, anh Nguyễn Văn Đ2 đồng với ý kiến của nguyên đơn. 3.5. Anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn H2 đồng ý với ý kiến của bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận sự thỏa thuận của các được sự về việc chia di sản thừa kế là thửa đất thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, Nghệ An.

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về chia thừa kế thửa đất số 484,

tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D theo bên bản thoả thuận ngày 28/7/2024 của các đương sự.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 147, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Sở T, đại diện UBND huyện D và đại diện UBND xã DX vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Í, bà Phạm Thị A, anh Nguyễn Văn P1, bà Bùi Thị S, bà Phan Thị B1, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị T2, chị Nguyễn Thị X vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.[2] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số số 59046 ngày 28/10/1994 được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 43 (bản đồ 299) nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14, diện tích 557,3 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D; hủy GCNQSDĐ số DG 365923 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H2 đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2 và huỷ GCNQSDĐ số DG 365924 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H1 đối với thửa đất số 706, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D. Chia di sản thừa kế của cụ N1, cụ Y để lại là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 557 m^2 (Bản đồ 299) tại xóm B N, xã D, huyện D và thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D cho các đồng thừa kế.Căn cứ Điều 26; khoản 4 Điều 34; Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy quyết định cá biệt" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.[2] Về nội dung vụ án:[2.1] Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số số 59046 ngày 28/10/1994 được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 43 (nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14), diện tích 557,3 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D; hủy GCNQSDĐ số DG 365923 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H2 đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2 và hủy GCNQSDĐ số DG 365924 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H1 đối với thửa đất số 706, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2 tại xóm N, xã D,

huyện D; chia di sản thừa kế của cụ N1, cụ Y để lại là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 557 m^2 tại xóm B N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc lừa dối, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2, nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 157,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Xét thấy trước khi mở phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự đã nhất trí và thống nhất thỏa thuận chia thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 157,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D như sau:

Giao cho anh Nguyễn Văn H1 quản lý, sử dụng:

+ Phía Nam giáp thửa đất số 07

+ Phía Đông giáp đường xóm dài 7m

+ Phía Tây giáp thửa đất số 05 dài 7m

+ Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa đất

Diện tích đất còn lại của thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13 giao cho anh Nguyễn Trọng Đ1 quản lý, sử dụng.

Về diện tích đất được giao cho các bên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính theo kích thước chiều rộng đã thoả thuận, chiều dài theo chiều thực tế của thửa đất.

Về án phí án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xét theo quy định của pháp luật. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá nguyên đơn đồng ý chịu chi phí này, không có yêu cầu gì thêm.

Như vậy, trước khi mở phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc chia thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2, nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 157,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hội đồng xét xử xét thấy thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên đương sự thỏa thuận với nhau trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, diện tích 365 m^2, nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 157,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An được Hội đồng định giá kết luận theo giá thị trường đất ở và đất vườn là 5.000.000 đồng/1m^2. Tổng là 1.789.500.000 đồng.

Căn cứ theo thoả thuận của các đương sự anh Nguyễn Văn H1 được chia

151,1 m^2 (đất ở 85 m^2 đất vườn 66,1 m^2), trị giá 755.000.000 đồng nên phải chịu án phải chịu án phí dân sự 50% của số tiền 755.500.000 đồng là 17.110.000 đồng.

Anh Nguyễn Trọng Đ1 được chia 206,8 m^2 (đất ở 115 m^2 đất vườn 91,8 m^2), trị giá 1.034.000.000 đồng nên phải chịu án phải chịu án phí dân sự 50% của số tiền 1.034.000.000 đồng là 21.500.000 đồng.

4. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Nguyên đơn đã nộp đầy đủ và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 147, Điều 244, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 59046 ngày 28/10/1994 được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 43 (nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14), diện tích 557 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; hủy GCNQSDĐ số DG 365923 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H2 đối với thửa đất số 707, tờ bản đồ số 14, diện tích 186,6 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; hủy GCNQSDĐ số DG 365924 ngày 11/5/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp mang tên Nguyễn Văn H1 đối với thửa đất số 706, tờ bản đồ số 14, diện tích 370,7 m^2 tại xóm N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N, cụ Trương Thị Y để lại là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 43 (nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 14), diện tích 557 m^2 tại xóm B N, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc chia thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 157,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An như sau:

2.1. Anh Nguyễn Văn H1 được quyền sử dụng 151,1 m^2 (đất ở 85 m^2 đất vườn 66,1 m^2) thuộc một phần thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 157,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Nguyễn Thị N1 (được đính chính cụ Trương Thị Y). Có tứ cận như sau (có sơ đồ kèm theo bản án):

- Phía Nam giáp thửa đất số 07, có chiều dài 21,58 m.

- Phía Đông giáp đường xóm, có chiều rộng 07 m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 05, có chiều rộng 07m.

- Phía Bắc giáp thửa đất được chia cho anh Nguyễn Trọng Đ1 có chiều dài 21,78 m.

2.2. Anh Nguyễn Trọng Đ1 được quyền sử dụng 206,8 m^2 (đất ở 115 m^2 đất vườn 91,8 m^2) thuộc một phần thửa đất số 484, tờ bản đồ số 2, nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 13, diện tích 357,9 m^2 (đất ở 200 m^2, đất vườn 157,9 m^2) tại xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Nguyễn Thị N1 (được đính chính cụ Trương Thị Y). Có tứ cận như sau (có sơ đồ kèm theo bản án):

- Phía Bắc giáp thửa đất số 317, có chiều dài 21,73 m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 5 có chiều rộng 9,39 m.

- Phía Nam giáp thửa đất được chia cho anh Nguyễn Văn H1 có chiều dài 21,78 m.

- Phía Đông giáp đường xóm có chiều rộng 9,78 m.

Các đương sự trực tiếp liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 17.110.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Trọng Đ1 phải chịu 21.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền 1.500.000 đồng chị Nguyễn Thị S1 nạp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012783 ngày 11/4/2023. Anh Nguyễn Trọng Đ1 còn phải nạp tiếp 20.000.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Nguyên đơn đã nộp đủ và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã DX;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh